

Điều 3. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn về một vấn đề nào đó, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập. Học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học. Nội dung của một học phần có thể là một lượng kiến thức độc lập, tương đối trọn vẹn hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều học phần nhỏ hơn. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã riêng.

2. Có hai loại *học phần*: Học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

- *Học phần bắt buộc* là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy để đảm bảo mặt bằng trình độ đào tạo chung của mọi sinh viên ở một cấp hoặc một hệ đào tạo.

- *Học phần tự chọn* là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Nhà trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý theo sở thích để tích lũy các kiến thức, kỹ năng phụ trợ theo quy định cho mỗi chương trình. Học phần tự chọn trong mỗi học kỳ có thể được phân bố trong một nhóm các môn học hoặc được chia thành nhiều nhóm. Nếu chỉ có một nhóm thì sinh viên cần đăng ký tối thiểu bằng số tín chỉ yêu cầu trong phần tự chọn. Trong trường hợp phần tự chọn được chia thành nhiều nhóm thì sinh viên cần đăng ký số tín chỉ trong mỗi nhóm tối thiểu bằng số tín chỉ yêu cầu của nhóm đó.

3. Cách tổ chức dạy - học các học phần:

- *Học phần tiên quyết*: Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học và học hoàn tất (với kết quả đạt) học phần A.

- *Học phần điều kiện*: Là học phần mà sinh viên phải hoàn thành nhưng kết quả thi không dùng để tính điểm trung bình chung tích lũy bao gồm: Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất hoặc các học phần khác được quy định trong chương trình đào tạo.

- *Học phần học trước*: Học phần A là học phần học trước của học phần B khi điều kiện bắt buộc để học học phần B là sinh viên đã đăng ký và học học phần A ở học kỳ trước đó (học hết nội dung chương trình và tham gia kỳ đánh giá cuối cùng nhưng có thể kết quả chưa đạt). Sinh viên được phép học học phần B tiếp sau học phần A.

- *Học phần song hành*: Học phần B là học phần song hành đối với học phần A khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học học phần A. Sinh viên được phép học học phần B đồng thời hoặc có thể sau học phần A.

- *Học phần thay thế*: Học phần thay thế được sử dụng thay thế cho một học phần có trong chương trình đào tạo khoá trước nhưng khoá sau không còn tổ chức giảng dạy nữa, hoặc là một học phần tự chọn thay cho một học phần tự chọn khác mà sinh viên học nhưng không đạt (điểm F). Học phần thay thế còn áp dụng cho những trường hợp: cùng một học phần nhưng số tín chỉ của học phần khoá sau khác với khoá trước.

- *Học phần tương đương*: Học phần tương đương là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo của một khóa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại Trường hoặc trường khác, được phép tích lũy để thay cho một hay một nhóm học phần trong chương trình đào tạo

của ngành đào tạo. Học phần tương đương phải có nội dung giống ít nhất 75% và có số tín chỉ tương đương với học phần xem xét. Các học phần tương đương hay nhóm học phần tương đương hoặc thay thế do đơn vị đào tạo quản lý chuyên môn đề xuất.

- *Học phần tích lũy*: Là học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A⁺, A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D. Tổng số tín chỉ của các học phần này tính từ lúc bắt đầu khoá học đến thời điểm xét, gọi là khối lượng kiến thức tích lũy.

4. *Tín chỉ (TC)* là đơn vị dùng để đo khối lượng kiến thức trong chương trình đào tạo, đồng thời là đơn vị dùng để đánh giá khối lượng học tập của sinh viên dựa trên số lượng tín chỉ đã tích lũy được.

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết, bằng 30 tiết học thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận thực hiện tại các phòng thực hành – thí nghiệm hoặc phòng chuyên đề, bằng 45 tiết làm chuyên đề, đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc 60 giờ thực tập tại cơ sở. Trong các trường hợp khác, Hiệu trưởng sẽ quy định thời lượng học tập của một tín chỉ. Để tiếp thu được lượng kiến thức, kỹ năng của một tín chỉ, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị ngoài giờ lên lớp.

- Một tiết học lý thuyết, thực hành có thời lượng 50 phút.

5. Học phí tín chỉ

Học phí tín chỉ được xác định căn cứ theo chi phí của các hoạt động giảng dạy học tập, cơ sở vật chất tính cho một tín chỉ. Học phí thu theo học kỳ được xác định theo số tín chỉ mà sinh viên đã đăng ký học trong học kỳ đó. Mức học phí do Hiệu trưởng quy định cho từng bậc học và từng hệ đào tạo theo từng năm học (có quy định riêng).